

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2023.

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Khánh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tâm;

2. Ông Trần Tô Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đại Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXX - HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Thị H, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Xóm BV, xã LT, huyện LT, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hứa Đức Q, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Xóm BV, xã LT, huyện LT, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lưu Thị H trình bày như sau:

Chị và anh Hứa Đức Q có tìm hiểu nhau một thời gian, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lam Vỹ, huyện LT ngày 03/2/2003. Được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi cưới chị và anh Q sống chung cùng với gia đình bố mẹ anh Q tại xóm Nà Toán, xã Lam Vỹ, huyện Định Hoá được khoảng 10 năm. Đến năm 2011 chị và anh Q xảy ra mâu thuẫn, chị đi làm công nhân và về nhà bố mẹ đẻ tại xóm BV, xã LT, huyện LT sinh sống. Năm 2019 được hai bên gia đình hòa giải anh Q chuyển về sống

cùng mẹ con chị tại xóm BV, xã LT, huyện LT. Đến năm 2021 mâu thuẫn giữa chị và anh Q tiếp tục xảy ra. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q lười lao động, không chăm lo cho gia đình và vợ con, thường xuyên uống rượu về nhà đánh chửi chị. Anh chị sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng vợ chồng ly thân không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị H xác định, chị và anh Q có 01 con chung là Hứa Đức Tuấn, sinh ngày 15/4/1996. Con chung của anh, chị đã trưởng thành, khoẻ mạnh bình thường, có sức khoẻ lao động tự túc được. Vì vậy, khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Chị H xác định, chị và anh Q có làm được một ngôi nhà ba gian trên mảnh đất bố mẹ để anh Q cho và một số vật dụng nhỏ sử dụng trong gia đình hiện nay anh Q đang quản lý, sử dụng. Khi ly hôn anh, chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị H xác định chị và anh Q không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Hứa Đức Q:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh Hứa Đức Q để bảo đảm quyền, nghĩa vụ của anh Q trước pháp luật. Tuy nhiên, anh Q không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để chị Lưu Thị H và anh Hứa Đức Q đoàn tụ, cùng nhau xây dựng cuộc sống chung. Nhưng anh Q không đến để tham gia phiên họp và hòa giải. Do vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện LT về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật tố tụng, bị đơn anh Hứa Đức Q không chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, việc cấp giao tổng đạt văn bản tố tụng, việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị Lưu Thị H được ly hôn anh Hứa Đức

Q; Về con chung: Con chung của chị H và anh Q là Hứa Đức Tuấn, sinh ngày 15/4/1996 đã trưởng thành, theo quy định của pháp luật không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết; Đối với tài sản chung: chị H xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về các khoản cho vay, khoản nợ chung: chị H xác định không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đều có nơi cư trú tại huyện LT, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét về quan hệ hôn nhân và về yêu cầu xin ly hôn của chị H thấy rằng:

Chị Lưu Thị H và anh Hứa Đức Q quen biết và có thời gian tự nguyện tìm hiểu nhau, được đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được sự đồng ý của hai gia đình và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống, giữa chị H và anh Q nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011, sau đó năm 2019 có về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra. Từ tháng 4 năm 2022 anh chị sống ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không thể hiện quan điểm của mình. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H cho ly hôn giữa chị H và anh Q là có căn cứ.

- Về con chung: Chị H và anh Q có 01 con chung là Hứa Đức Tuấn, sinh ngày 15/4/1996. Con chung của anh, chị đã trưởng thành, lao động tự túc được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị H xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết

Về các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; các Điều: 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lưu Thị H và anh Hứa Đức Q.

2. Về con chung: Chị Lưu Thị H và anh Hứa Đức Q có 01 con chung là Hứa Đức Tuấn, sinh ngày 15/4/1996. Con chung đã trưởng thành khoẻ mạnh bình thường, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và các khoản cho vay, khoản nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết;

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lưu Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT theo biên lai thu số 0003142, ngày 24/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện LT;
- UBND xã Lam Vỹ, huyện LT;
- (ĐKKH số 04, ngày 03/02/2003)
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Khánh

